

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XÍN MÀN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-11-2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XÍN MÀN, TỈNH HÀ GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Hoàng Thị Thuyết

Bà: Thảo Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Khánh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang; Nơi làm việc: Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học N, xã N, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

Anh Lương Xuân B, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2019, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 18 tháng 9 năm 2002 chị Nguyễn Thị H và anh Lương Xuân B đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh B, chị H sống hạnh phúc đến năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do anh B ham chơi cờ bạc, uống rượu và đánh đập, ngược đãi chị H nhiều lần. Năm 2013 chị H sống ly thân với anh B. Năm 2015 nhờ sự hòa giải của nhà trường và gia đình, anh B đã xin chị H tha thứ và hứa sẽ không uống rượu, không cờ bạc nữa. Chị H đồng ý trở về đoàn tụ với anh B. Được một thời gian thì anh B không thực hiện theo lời hứa mà còn tái phạm nhiều lần, không tu chí làm ăn suốt ngày uống rượu và cờ bạc. Khi say rượu anh B lại ngược đãi, xúc phạm danh dự nhân phẩm và đánh đập chị H. Từ tháng 6 năm 2019 chị H chuyển lên tập thể Trường PTDT bán trú và tiểu học N, xã N, huyện Xín Mần sống ly thân với anh B cho đến bây giờ. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh B nữa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh B.

Về con riêng: Không có.

Về con chung: Chị H và anh B có một con chung là cháu Lương Thị Thùy N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2003. Chị H và anh B thỏa thuận giao cháu N cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến tuổi trưởng thành do hiện tại cháu N đang ở với anh B tại thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang và cháu đang học năm cuối tại Trường Trung học phổ thông H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ chị H và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 01 tháng 7 năm 2020, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án anh Lương Xuân B trình bày:

Anh Lương Xuân B nhất trí với chị Nguyễn Thị H về mâu thuẫn gia đình. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh B và chị H đi đến hôn nhân là do tự nguyện, không ai ép buộc. Hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang ngày 18 tháng 9 năm 2002. Từ tháng 6 năm 2019 anh B với chị H sống ly thân với nhau cho đến bây giờ. Tháng 3 năm 2020 anh B bỏ ngôi nhà hai vợ chồng từng sinh sống ở thôn C, xã N, huyện Xín Mần về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Anh B không đồng ý ly hôn với chị H với lý do vợ chồng tuy có chửi bới, cãi vã nhưng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con riêng: Không có.

Về con chung: Chị H và anh B có một con chung là cháu Lương Thị Thùy N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2003. Chị H và anh B thỏa thuận giao cháu N cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến tuổi trưởng thành. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ anh B và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Xuân Bắc không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình gây khó khăn cho hoạt động tố tụng của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Lương Xuân B đến phiên tòa hòa giải và xét xử nhưng anh B vắng mặt không có lý do, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Cho chị H được ly hôn với anh B. Công nhận sự thỏa thuận của hai bên cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu N đến tuổi trưởng thành. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn anh Lương Xuân B không đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Lương Xuân B đã được tổng đạt hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng không chấp hành. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần một vào ngày 17 tháng 10 năm 2020. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh B vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lương Xuân B là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về thẩm quyền: Bị đơn trú tại xã N, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không có căn cứ thể hiện việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Lương Xuân B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang ngày 18 tháng 9 năm 2002, không bị ai ép buộc. Quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị H là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng: Qua các chứng cứ thu thập được cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, xác định quá trình chung sống giữa anh B và chị H nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, anh B không quan tâm tới cuộc sống gia đình, không tôn trọng vợ, có hành vi ngược đãi về thể xác và tinh thần đối với chị H. Chị H đã sống ly thân với anh B lần đầu tiên từ năm 2013 đến năm 2015 sau đó hai người trở về đoàn tụ. Từ tháng 6 năm 2019 chị H lần thứ hai sống ly thân với anh B cho đến bây giờ. Anh B cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa anh B và chị H nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Sau khi ly thân lần hai được một thời gian anh B đã bỏ nhà ở thôn C, xã N, huyện Xín Mần về nhà mẹ đẻ ở thôn H, xã H, huyện B sinh sống. Trong quá trình ly thân anh B và chị H không hề quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Khi chị H làm đơn xin ly hôn anh B. Anh B lấy lý do là mâu thuẫn giữa anh chị chưa đến mức phải ly hôn và không đồng ý ly hôn. Trên thực tế anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng như thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị H, có hành vi đánh đập, ngược đãi, hành hạ chị H làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu cho chị H được ly hôn anh B.

[5] *Về quan hệ nuôi con chung*: Hai bên thỏa thuận giao cháu Lương Thị Thùy N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2003 cho anh Lương Xuân B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2020 cháu Lương Thị Thùy N có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Nguyễn Thị H. Xét trên thực tế hiện nay cháu N đang học năm cuối Trường Trung học phổ thông H, xã H, huyện B và đang ở cùng bố là anh B tại thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hai bên thỏa thuận cháu N ở cùng anh B để thuận lợi cho việc học hành của cháu là hợp tình hợp lý nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận.

[6] *Về quan hệ tài sản*: Tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ anh B và chị H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lương Xuân B.

2. *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu cháu Lương Thị Thùy N, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2003 cho anh Lương Xuân B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về quan hệ tài sản:* Các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số BB/2013/04508 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lương Xuân B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND h. Xín Mần;
- UBND xã H,
- huyện B, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Xín Mần;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Bình